TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 28/8/2025
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 106/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1032/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hùng H, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E tỉnh lộ 10, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Nay là: Số 541/4/9/2 tỉnh lộ 10, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: Ấp E, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn Hùng Hải

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, ***nguyên đơn anh Hùng H trình bày:***

Anh và chị Đoàn Thị Ánh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Đoàn Thị Ánh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H1 H cho rằng điều kiện phía gia đình chị N không đảm bảo để chăm sóc cháu T do cha ruột của chị N nghiện rượu, nhà có nhiều chó, xung quanh trồng sầu riêng xịt thuốc gây ô nhiễm, em ruột của chị N gây khó khăn khi anh đến thăm con. Do đó, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hùng Gia Phương T, giao cháu Hùng Gia Thiên P cho chị N nuôi dưỡng. Anh và chị N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Đoàn Thị Ánh N trình bày:

- Về thời gian kết hôn, con chung như anh H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay anh H xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về cấp dưỡng: Vì cháu T và cháu P còn nhỏ nên mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng là không đủ để nuôi con nên chị không thống nhất. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (Mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng). Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 106/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4) đã áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 7 và khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hùng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận anh Hùng H và chị Đoàn Thị Ánh N thuận tình ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022 cho chị Đoàn Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Hùng H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Hùng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và cháu Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022 mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu T và cháu P đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/6/2025, nguyên đơn Hùng H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp): Giảm mức cấp dưỡng cho 02 cháu Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022 từ 5.000.000 đồng/tháng xuống 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của anh Hùng H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Hùng H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Hùng H trong thời hạn quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo quy định.

2. Về nội dung:

Anh Hùng H và chị Đoàn Thị Ánh N thuận tình ly hôn. Về con chung anh H và chị N có hai con chung là Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022, Tòa sơ thẩm xử giao hai con chung cho chị N nuôi và buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi H1 Gia Phương T và Hùng Gia Thiên P mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi Hùng Gia Phương T và Hùng Gia Thiên P đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Hùng Gia Phương T và Hùng Gia Thiên P đủ 18 tuổi.

Anh H không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

Nhận thấy, lương tối thiểu vùng tại Quận B, thành phố Hồ Chí Minh do Chính phủ quy định là 4.960.000.000 đồng/tháng. Tòa sơ xử là đúng với quy

định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó anh H kháng cáo xin cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Anh Hùng H phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hùng H.

- Giữ nguyên Bản án số 106/2025/HNGĐ-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp).

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7 và khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hùng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận anh Hùng H và chị Đoàn Thị Ánh N thuận tình ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022 cho chị Đoàn Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Anh Hùng H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Hùng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hùng Gia Phương T, sinh ngày 12/12/2019 và cháu Hùng Gia Thiên P, sinh ngày 10/12/2022 mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu T và cháu P đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Hùng H phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003274 ngày 23/4/2025 và biên lai thu số 0003500 ngày 13/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh H1 H còn phải nộp tiếp 75.000 đồng

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan